

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/10/2019

V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xương.
2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2019 tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 350/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2019 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Thanh M, sinh năm 1978 (có mặt).

HKTT: Số X1, Khu X2, ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn

bà Lý Thị Thanh M trình bày: Vào năm 2006, bà M và ông T tự nguyện kết hôn với nhau tại UBND xã X, ngày 01/12/2006. Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 07/9/2007 và Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 21/02/2010. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường hay cãi nhau kéo dài. Ông T còn sinh tật uống rượu, không lo làm ăn, thường xuyên dùng bạo lực gia đình đối với bà M. Ông bà đã ly thân từ tháng 03/2018 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về hôn nhân, bà M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T; Về con chung, bà M yêu cầu nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoàng O và Nguyễn Huỳnh N cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông T.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà M và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã ly thân một thời gian dài (từ tháng 03/2018 đến nay) nhưng không có biện pháp hàn gắn. Nay bà M đã kiên quyết ly hôn còn ông T không tham gia hòa giải tại Tòa cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Từ khi vợ chồng bà M ly thân, cháu O và cháu N sống với mẹ và hiện đang học tập ở huyện N, tỉnh Đồng Nai, nguyện vọng của các cháu muốn tiếp tục sống với mẹ nên cần ổn định để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, người làm chứng bà Nguyễn Thị X vắng mặt nhưng đã cung cấp lời khai và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Thanh M và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà M và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà M và ông T sống ly thân từ tháng 03/2018 đến nay nhưng không có biện pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[2.2] Về con chung: Bà M và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 07/9/2007 và Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 21/02/2010, hiện đang sống với bà M. Bà M có yêu cầu được nuôi con chung. Còn ông T không tham gia tố tụng, nên Tòa án không thu thập được yêu cầu về con chung. Cháu O và cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ để tiện việc học hành, nếu cha mẹ ly hôn. Ngoài ra, bà nội các cháu là bà Đinh Thị X cũng xác nhận cháu O và cháu N đã sống với mẹ gần 02 năm nay và đã được mẹ chăm lo đầy đủ. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện K đã đề nghị Tòa án xem xét giao cháu O và cháu N cho mẹ ruột nuôi để các cháu có điều kiện học tập và phát triển toàn diện, lành mạnh. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; các Điều 227,

228, 229; các Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Thanh M. Bà Lý Thị Thanh M được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung của bà Lý Thị Thanh M và ông Nguyễn Thanh T tên Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 07/9/2007 và Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 21/02/2010 cho bà Lý Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu O và cháu N đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Lý Thị Thanh M phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000784 ngày 22/8/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa